

Phụ lục VI
MẪU C/O MẪU EUR.1 CỦA VIỆT NAM
(ban hành kèm theo Thông tư số 11/2020/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2020
của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong EVFTA)

MOVEMENT CERTIFICATE		
<p>1. Exporter (Name, full address, country)</p> <p style="color: red;">Tên giao dịch và địa chỉ đầy đủ của nhà xuất khẩu, tên nước thành viên xuất khẩu (Việt Nam).</p>	<p style="text-align: right;">EUR.1 No: VN-DE 20/01/00000</p> <p>See notes overleaf before completing this form.</p>	
<p>3. Consignee (Name, full address, country) (Optional)</p> <p style="color: red;">Tên giao dịch và địa chỉ đầy đủ của nhà nhập khẩu, tên nước thành viên nhập khẩu <i>(Trường hợp chưa xác định nước nhập khẩu vào thời điểm xuất khẩu, điền thông tin nhà nhập khẩu trung gian và nước nhập khẩu trung gian)</i></p>	<p>2. Certificate used in preferential trade between European Union and Socialist Republic of Viet Nam</p>	
<p>6. Transport details (Optional)</p> <p style="color: red;">Ngày khởi hành, tên phương tiện vận tải <i>(Máy bay ghi "By air", nếu gửi bằng đường biển thì ghi tên tàu và tên cảng bốc dỡ hàng)</i></p>	<p>4. Country, group of countries or territory in which the products are considered as originating</p> <p style="color: red;">Tên nước, nhóm nước xuất xứ của hàng hóa</p>	<p>5. Country, group of countries or territory of destination</p> <p style="color: red;">Tên nước, nhóm nước nhập khẩu hàng hóa <i>(Trường hợp chưa xác định nước nhập khẩu vào thời điểm xuất khẩu, điền thông tin nước nhập khẩu trung gian.)</i></p>
<p>8. Item number; Marks and numbers; Number and kind of packages⁽¹⁾; Description of goods</p> <p style="color: red;">Số thứ tự các mặt hàng (mỗi mặt hàng có một số thứ tự riêng), ký hiệu và số hiệu, số lượng kiện hàng, loại kiện hàng, mô tả hàng hóa và mã HS (ở cấp 6 số)</p> <p><small>⁽¹⁾ If goods are not packed, indicate number of articles or state "in bulk" as appropriate.</small></p>	<p>7. Remarks</p> <p style="color: red;">Ghi chú về ISSUED RETROSPECTIVELY, DUPLICATE Thương nhân ghi ngày, nơi xuất khẩu hàng hóa và nêu rõ lý do (Điều 22 TT11/2020)</p>	
	<p>9. Gross mass (kg) or other measure (litres, m³, etc.)</p> <p style="color: red;">Trọng lượng cả bì của hàng hoá (hoặc đơn vị đo lường khác)</p>	<p>10. Invoices (Optional)</p> <p style="color: red;">Số hóa đơn, ngày của hóa đơn thương mại và trị giá lô hàng</p>

<p>11. CUSTOMS OFFICE (EU) or ISSUING AUTHORITIES (VN) ENDORSEMENT</p> <p><i>Declaration certified</i></p> <p>Export document⁽²⁾</p> <p>Form No</p> <p>Of</p> <p>Customs office/Issuing authority</p> <p>..... Stamp</p> <p>Issuing country or territory</p> <p>Place and date</p> <p>.....</p> <p>(Signature)</p> <p>- Dòng thứ nhất và dòng thứ hai để trống. - Dòng thứ ba ghi mã số của cơ quan, tổ chức cấp C/O - Dòng thứ tư ghi: Viet Nam. - Dòng thứ năm ghi địa điểm, ngày, tháng, năm cấp C/O - Dòng thứ sáu ghi họ tên, chữ ký của người có thẩm quyền ký C/O.</p> <p>Note: Ô này dành cho Tổ chức cấp C/O</p> <p>.....</p> <p>⁽²⁾ Complete only where the regulations of the exporting country or territory require.</p>	<p>12. DECLARATION BY THE EXPORTER</p> <p>I, the undersigned, declare that the goods described above meet the conditions required for the issue of this certificate.</p> <p>Place and date</p> <p>.....</p> <p>(Signature)</p> <p>- Dòng thứ nhất ghi địa điểm, ngày tháng năm đề nghị cấp C/O. - Dòng thứ hai ghi họ tên, chữ ký của người ký đơn đề nghị cấp C/O.</p> <p>Note: Ô này dành cho DN xin C/O</p>
<p>13. REQUEST FOR VERIFICATION, to</p> <p>Note: Ô dành cho cơ quan có thẩm quyền của nước thành viên nhập khẩu.</p> <p>Verification of the authenticity and accuracy of this certificate is requested.</p> <p>..... Stamp</p> <p>(Place and date)</p> <p>.....</p> <p>(Signature)</p>	<p>14. RESULT OF VERIFICATION</p> <p>Verification carried out shows that this certificate⁽¹⁾</p> <p><input type="checkbox"/> was issued by the customs office (EU) or issuing authority (VN) indicated and that the information contained therein is accurate.</p> <p><input type="checkbox"/> does not meet the requirements as to authenticity and accuracy (see remarks appended).</p> <p>Note: Ô dành cho cơ quan, tổ chức cấp C/O để ghi kết quả xác minh xuất xứ</p> <p>..... Stamp</p> <p>(Place and date)</p> <p>.....</p> <p>(Signature)</p> <p>.....</p> <p>⁽¹⁾ Insert X in the appropriate box.</p>

Lưu ý:

1. Đối với các mục có quy định “optional” (tại Ô số 3, Ô số 6, Ô số 10) và mục HS (tại Ô số 8), thương nhân có quyền lựa chọn thể hiện hoặc không thể hiện thông tin trên C/O mẫu EUR.1. Tuy nhiên, các thông tin này sẽ thể hiện trên Đơn đề nghị cấp C/O để đảm bảo xác minh được xuất xứ hàng hóa.

2. Đối với tiêu chí xuất xứ hàng hóa: Tiêu chí xuất xứ hàng hóa phải được thể hiện tại Bảng kê khai hàng hóa xuất khẩu theo mẫu quy định tại các Phụ lục ban hành kèm Thông tư số 05/2018/TT-BCT ngày 03 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về xuất xứ hàng hóa. Theo đó:

- Tại Mục “Tiêu chí áp dụng” ở góc trên bên phải Bảng kê khai hàng hóa xuất khẩu: ghi “PSR”.

- Tại Mục “Kết luận”: ghi rõ tiêu chí xuất xứ hàng hóa theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 11/2020/TT-BCT.